

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày: 04-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Ông Hồ Lê Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Văn L., sinh năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L2. và bà Hà Thị H.; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 26/11/2002 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 1671/HSST); cha của bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 10/6/2003, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giảm nhẹ hình phạt còn 02 năm tù (Bản án số 900/HSPT), chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/5/2004; Ngày 22/3/2007 bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" (Bản án số 64/2007/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2010; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2018 (Có mặt);

Người bị hại: Anh Hồ Thanh S., sinh năm 1970; thường trú: Ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn Ch., sinh năm 1992; thường trú: Ấp A2, xã B2, huyện C2, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Anh Đặng Văn L3., sinh năm 1981; thường trú: Ấp A3, xã B3, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19/11/2018, Trương Văn L. gặp Trung (không rõ lai lịch địa chỉ) tại tiệm bán cá, địa chỉ Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Trung và L. rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài.

Trung điều khiển xe Nouvo (không rõ biển số) chở L. đi tìm tài sản. Đến khoảng 08 giờ 16 phút cùng ngày, Trung phát hiện trước nhà số X3, đường Y3, phường Z3, quận Tân Phú có 01 xe gắn máy hiệu Sirius, biển số 68L1-007.47 của anh Hồ Thanh S. dựng phía trước cửa nhà không có người trông coi, xe có cắm sẵn chìa khóa. Trung liền quay xe dừng lại cạnh giới, còn L. đi bộ đến mở chìa khóa công tắc, lùi xe đề máy tẩu thoát thì bị anh Hồ Thanh S. đứng bên đường phát hiện tri hô, chạy đuổi theo bắt giữ L. cùng tang vật, riêng Trung chạy thoát.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Văn L. đã khai nhận hình vi phạm tội như nêu trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 298/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Tân Phú: 01 (một) xe hai bánh gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 68L1-077.47, màu sơn: đỏ đen, số máy: 1FC3019536, số khung: FC30EY019527. Tài sản đã qua sử dụng. Tỷ lệ còn 80%. Trị giá 12.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) xe hai bánh gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 68L1-077.47, màu sơn: đỏ đen, số máy: 1FC3019536, số khung: FC30EY019527 và 01 chìa khóa xe gắn máy đã được trả lại cho bị hại Hồ Thanh S. Anh Hồ Thanh S. không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 68L1-077.47, màu sơn: đỏ đen, số máy: 1FC3019536, số khung: FC30EY019527 và 01 (một) chìa khóa xe gắn máy. Qua xác minh chiếc xe trên do anh Nguyễn Văn Ch. đứng tên sở hữu. Anh Ch. cầm cố chiếc xe trên cho anh Đặng Văn L3., tại tiệm cầm đồ P., địa chỉ: Ấp A3, xã B3, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31/7/2017. Đến ngày 31/01/2018, tiệm cầm đồ bán chiếc xe trên cho

anh Hồ Thanh S. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại chiếc xe và chìa khóa xe cho anh S. Anh S. và anh Ch. không có ý kiến gì.

- 01 (một) quần Jean dài màu xanh; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng sọc xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng (thu giữ của Trương Văn L.).

Đối với đối tượng tên Trung do không rõ lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKSQTP ngày 28/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Văn L. về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn L. từ 12 tháng đến 24 tháng tù.

Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn L. thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để xác định: Bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút tiếp cận chiếc xe gắn máy của người bị hại Hồ Thanh S., mở chìa khóa, lén xe, đề máy để chạy trốn nhưng bị anh S. phát hiện tri hô, đuổi theo bắt

giữ L. cùng tang vật. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú truy tố bị cáo theo Điều 171 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Theo Kết luận định giá tài sản số 298/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Tân Phú thì chiếc xe mà bị cáo L. lấy trộm có trị giá 12.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo L. phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ, đồng thời ảnh hưởng đến trật tự, trị an, an toàn xã hội. Bản thân bị cáo đã trên 18 tuổi, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm để giáo dục bị cáo nói riêng và để đảm bảo việc đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo Trương Văn L. tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, thái độ tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, xem xét áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo đã từng hai lần phạm tội “Cướp giật tài sản” nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Trương Văn L..

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe hai bánh gắn máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 68L1-077.47, màu sơn: đỏ đen, số máy: 1FC3019536, số khung: FC30EY019527 và 01 (một) chìa khóa xe gắn máy. Qua xác minh chiếc xe trên do anh Nguyễn Văn Ch. đứng tên sở hữu. Anh Ch. cầm cố chiếc xe trên cho anh Đặng Văn L3., tại tiệm cầm đồ P., địa chỉ: Ấp A3, xã B3, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31/7/2017. Đến ngày 31/01/2018, tiệm cầm đồ bán chiếc xe trên cho anh Hồ Thanh S. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại chiếc xe và chìa khóa xe cho anh S. Anh S. và anh Ch. không có ý kiến gì do đó Hội đồng xét xử không xét.

- 01 (một) quần Jean dài màu xanh; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng sọc xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng thu giữ của Trương Văn L.. Đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn L. phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Văn L. 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Trương Văn L..

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) quần Jean dài màu xanh; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng sọc xanh; 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 03/PNK ngày 20/11/2018 của Công an quận Tân Phú).

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh (2);
- VKSND quận Tân Phú (3);
- THADS quận Tân Phú (1);
- Phòng PC53 CA Tp. HCM (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (2);
- Người có QLNVLQ (4);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu: VT (1); hồ sơ vụ án (1). (20)

Tô Thị Ngọc Phượng